Dài hơn mấy, nhiều hơn mấy



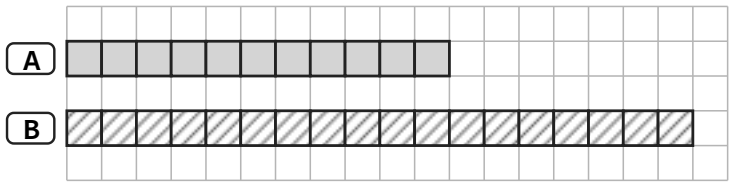
Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:

- Muốn biết dài hơn mấy, nhiều hơn mấy, phải cho hai bên chung một vạch xuất phát, ghép cặp từng cái một. Phần không có cặp là số cần tìm.
- Với số đến 40: ghép bó với bó, thanh với thanh, rồi phần lẻ với phần lẻ. Hai số khác số chục thì đếm thêm từ số bé đến số tròn chục, rồi đến số lớn.
- Ghép cặp xong, nói lại bằng phép trừ: "12 trừ 9 bằng 3, băng A dài hơn 3 ô".

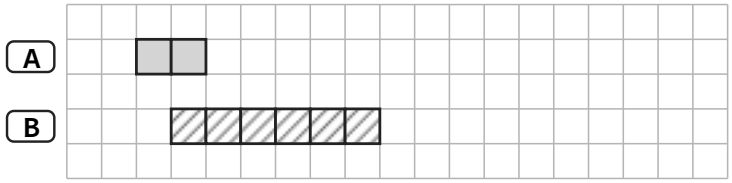
1 Băng nào dài hơn? Dài hơn mấy ô?

Ở câu thứ hai, hai băng không bắt đầu ở cùng một cột: đếm số ô của từng băng trước.



Băng dài hơn: **A** **B**

Dài hơn ..... ô.



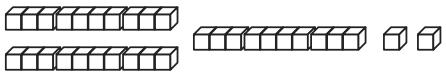
Băng A có ..... ô.

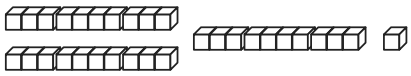
Băng B có ..... ô.

Băng dài hơn: **A** **B**

Dài hơn ..... ô.

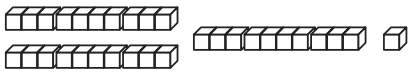
2 Ghi số của mỗi bạn. Nhiều hơn mấy?

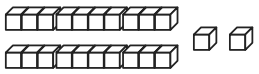
Lan  .....

Minh  .....

Lan có nhiều hơn Minh ..... khối.

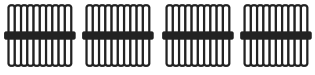
3 Đếm rồi so: nhiều hơn mấy?

Lan  .....

Minh  .....

Lan có nhiều hơn Minh ..... khối.

Lan  .....

Minh  .....

Minh có nhiều hơn Lan ..... que.

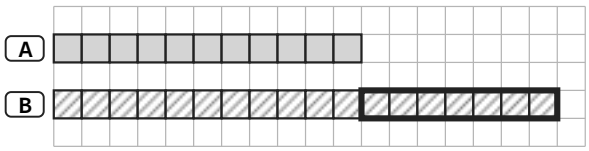
Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math

Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.pages.dev

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

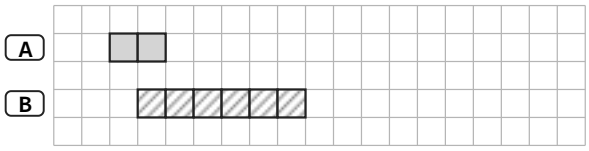
Đáp án và mẹo cho bố mẹ

1 Băng nào dài hơn? Dài hơn mấy ô?



Băng dài hơn: **A** **B**

Dài hơn **7** ô.



Băng A có **2** ô.

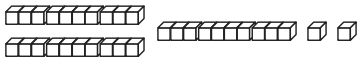
Băng B có **6** ô.

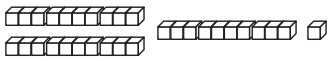
Băng dài hơn: **A** **B**

Dài hơn **4** ô.

> **Khi con làm sai:** Cho con kẻ một vạch dọc ở đầu trái băng bắt đầu trước, rồi tưởng tượng đẩy băng kia về vạch. Ghép cặp từng ô của hai băng, tô phần thò ra và đếm cùng con. Rồi đọc số ô của từng băng và phép trừ, như "12 trừ 9 bằng 3", để con viết lại.

2 Ghi số của mỗi bạn. Nhiều hơn mấy?

Lan  **32**

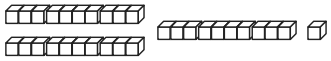
Minh  **31**

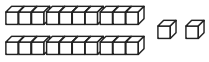
Lan có nhiều hơn Minh

1 khối.

> **Khi con làm sai:** Cho con ghép bó với bó, thanh với thanh, rồi phần lẻ với phần lẻ (que với que, khối với khối), gạch từng cặp. Phần lẻ không có cặp là số cần tìm. Có thể lấy que tính thật xếp hai hàng chung một vạch để con thấy.

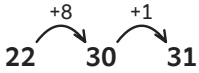
3 Đếm rồi so: nhiều hơn mấy?

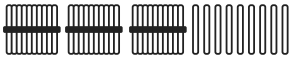
Lan  **31**

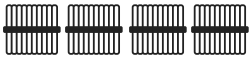
Minh  **22**

Lan có nhiều hơn Minh

9 khối.

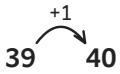


Lan  **39**

Minh  **40**

Minh có nhiều hơn Lan

1 que.



> **Khi con làm sai:** Đừng để con chỉ so phần lẻ. Cùng con đếm thêm từ số bé hơn đến số tròn chục tiếp theo, rồi đến số lớn hơn, mỗi bước giơ một ngón tay, như 28: 29, 30 (hai ngón), rồi 31, 32, 33, 34 (bốn ngón). Đếm số ngón tay đã giơ là ra số cần tìm.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Cộng dần đến có tất cả

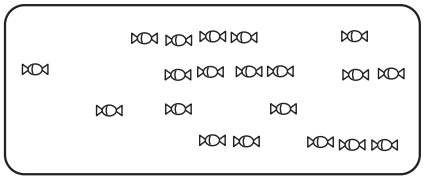


Tên bé: ..... Ngày: .....

Bố mẹ đọc trước:
- Cộng dần: mỗi lần thêm một nhóm, con giơ một ngón tay và nói số vừa có, đến khi đủ số có tất cả.
- Số ngón tay đã giơ là số nhóm (hay số cái mỗi bạn được). Hỏi con: "Ngón tay đếm gì?".

1 Cộng dần, mỗi ngón tay một số, rồi trả lời.

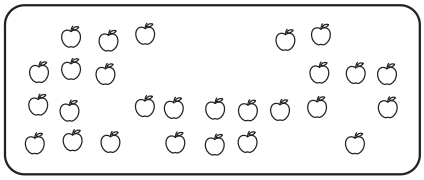
Viết số cộng dần vào các ô ngón tay. Không cần dùng hết các ô.



Có 20 cái kẹo. Xếp mỗi túi 2 cái kẹo. Được mấy túi?



Được ☐ túi.

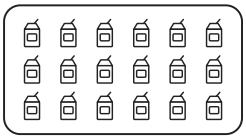


Có 27 quả táo. Chia đều cho 5 bạn. Mỗi bạn được mấy quả táo?

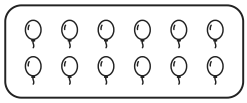


Mỗi bạn được ☐ quả táo. Còn thừa ☐ quả táo.

2 Câu nào tả sai? Khoanh chữ của câu đó.



A. Có 3 nhóm, mỗi nhóm 6 hộp sữa.
B. Có 9 nhóm, mỗi nhóm 2 hộp sữa.
C. Có 6 nhóm, mỗi nhóm 5 hộp sữa.
D. Có 6 nhóm, mỗi nhóm 3 hộp sữa.

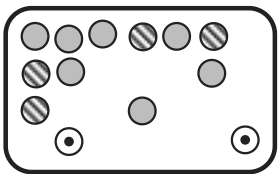


A. Có 2 nhóm, mỗi nhóm 6 quả bóng bay.
B. Có 6 nhóm, mỗi nhóm 2 quả bóng bay.
C. Có 3 nhóm, mỗi nhóm 4 quả bóng bay.
D. Có 2 nhóm, mỗi nhóm 5 quả bóng bay.

3 Nhìn khay hạt, trả lời từng câu.

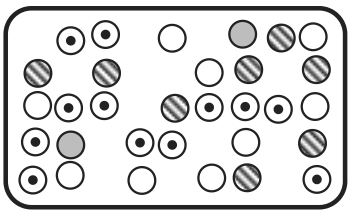
Đếm từng loại hạt một lần, ghi số nhỏ bên cạnh, rồi trả lời.

○ hạt xám
▨ hạt sọc
⊙ hạt chấm



Có ☐ hạt xám.
Hạt xám nhiều hơn hạt chấm ☐ hạt.
Hạt xám và hạt chấm có tất cả ☐ hạt.
Cả khay có tất cả ☐ hạt.

○ hạt trắng
● hạt xám
▨ hạt sọc
⊙ hạt chấm



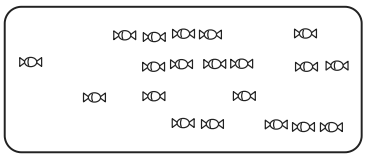
Có ☐ hạt chấm.
Số hạt chấm đọc là: mười ba / mười hai / hai mươi mốt
Hạt xám ít hơn hạt sọc ☐ hạt.
Hạt trắng, hạt xám và hạt chấm có tất cả ☐ hạt.
Xâu hạt chấm thành chuỗi, mỗi chuỗi 4 hạt. Được ☐ chuỗi.

Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math
Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.pages.dev

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

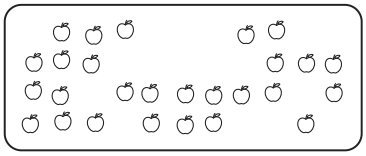
1 Cộng dần, mỗi ngón tay một số, rồi trả lời.



Có 20 cái kẹo. Xếp mỗi túi 2 cái kẹo. Được mấy túi?

2 4 6 8 10 | 12 14 16 18 20

Được **10** túi.



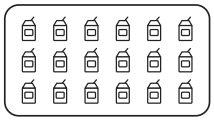
Có 27 quả táo. Chia đều cho 5 bạn. Mỗi bạn được mấy quả táo?

5 10 15 20 25 | ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

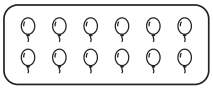
Mỗi bạn được **5** quả táo. Còn thừa **2** quả táo.

> **Khi con làm sai:** Cùng con đọc lại dãy số đã cộng dần, mỗi số chạm một ngón tay. Số nào lớn hơn số có tất cả thì gạch đi, ngón tay đó hạ xuống. Phần còn lại đem so với một nhóm: ít hơn một nhóm là số còn thừa. Rồi đọc lại câu hỏi và hỏi con "Ngón tay đếm gì?".

2 Câu nào tả sai? Khoanh chữ của câu đó.



A Có 3 nhóm, mỗi nhóm 6 hộp sữa.
B Có 9 nhóm, mỗi nhóm 2 hộp sữa.
C Có 6 nhóm, mỗi nhóm 5 hộp sữa.
D Có 6 nhóm, mỗi nhóm 3 hộp sữa.

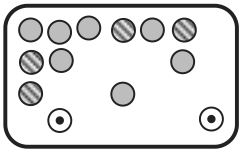


A Có 2 nhóm, mỗi nhóm 6 quả bóng bay.
B Có 6 nhóm, mỗi nhóm 2 quả bóng bay.
C Có 3 nhóm, mỗi nhóm 4 quả bóng bay.
D Có 2 nhóm, mỗi nhóm 5 quả bóng bay.

> **Khi con làm sai:** Cho con khoanh theo câu con chọn: từng nhóm một, đủ số trong nhóm, đến khi hết hình. Câu đúng thì đủ số nhóm và vừa hết. Câu sai thì nhóm cuối bị thiếu, hoặc khoanh đủ số nhóm mà vẫn còn hình chưa vào nhóm nào. Chỉ cho con chỗ không khớp.

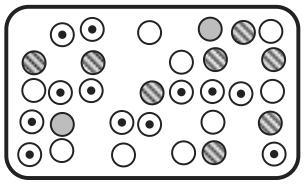
3 Nhìn khay hạt, trả lời từng câu.

hạt xám
hạt sọc
hạt chấm



Có **7** hạt xám.
Hạt xám nhiều hơn hạt chấm **5** hạt.
Hạt xám và hạt chấm có tất cả **9** hạt.
Cả khay có tất cả **13** hạt.

hạt trắng
hạt xám
hạt sọc
hạt chấm



Có **12** hạt chấm.
Số hạt chấm đọc là: mười ba | **mười hai** | hai mươi mốt
Hạt xám ít hơn hạt sọc **6** hạt.
Hạt trắng, hạt xám và hạt chấm có tất cả **23** hạt.
Xâu hạt chấm thành chuỗi, mỗi chuỗi 4 hạt. Được **3** chuỗi.

> **Khi con làm sai:** Câu đếm: cho con gạch từng hạt cùng loại khi đếm, đủ 10 hạt thì khoanh thành một chục. Câu so: viết hai số, xếp hai hàng que chung vạch, ghép cặp. Câu có tất cả: cộng chục với chục rồi cộng phần lẻ. Câu xâu chuỗi: cộng dần như bài 1, mỗi chuỗi một ngón tay.

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Một nửa hay một phần tư



Tên bé: ..... Ngày: .....

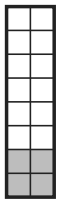
Bố mẹ đọc trước:

- Muốn biết phần tô màu là một nửa hay một phần tư, lấy phần tô màu làm vật đo: đặt nối đuôi lên hình, không hở, không chồng, và đếm số lần đặt.
- Hai lần vừa khít là một nửa, bốn lần là một phần tư. Ba lần, hay có lần thò ra ngoài: không phải cả hai.
- Phần tô màu nằm rời thì ghép các khối lại thành một miếng trước, rồi mới đặt.

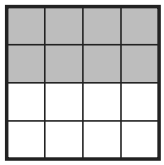
1 Phần tô màu là một nửa hay một phần tư? Khoanh câu đúng.



◐ một nửa
◔ một phần tư
◯ không phải cả hai



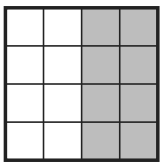
◐ một nửa
◔ một phần tư
◯ không phải cả hai



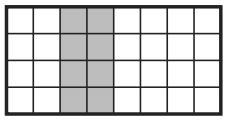
◐ một nửa
◔ một phần tư
◯ không phải cả hai

2 Đặt thử rồi khoanh: một nửa, một phần tư, hay không phải cả hai.

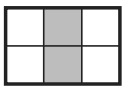
Phần tô màu giống nhau chưa chắc câu trả lời giống nhau: hãy đặt thử và đếm số lần đặt.



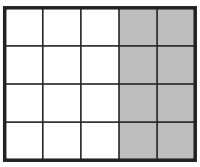
◐ một nửa
◔ một phần tư
◯ không phải cả hai



◐ một nửa
◔ một phần tư
◯ không phải cả hai

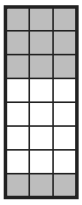


◐ một nửa
◔ một phần tư
◯ không phải cả hai



◐ một nửa
◔ một phần tư
◯ không phải cả hai

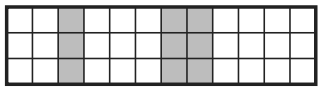
3 Ghép các phần tô màu lại rồi trả lời hai câu.



Một nửa? (Phải) (Không phải)
Một phần tư? (Phải) (Không phải)



Một nửa? (Phải) (Không phải)
Một phần tư? (Phải) (Không phải)



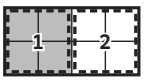
Một nửa? (Phải) (Không phải)
Một phần tư? (Phải) (Không phải)

Dành cho phụ huynh: luyện tiếp bài này trong app Open Math
Quét mã bằng camera điện thoại, hoặc mở openmath.pages.dev

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.

Đáp án và mẹo cho bố mẹ

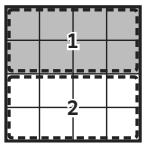
1 **Phần tô màu là một nửa hay một phần tư? Khoanh câu đúng.**



(●) một nửa
( ) một phần tư
( ) không phải cả hai



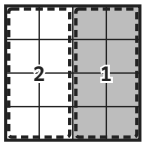
( ) một nửa
(●) một phần tư
( ) không phải cả hai



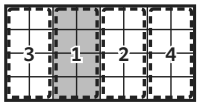
(●) một nửa
( ) một phần tư
( ) không phải cả hai

Khi con làm sai: Cắt một miếng giấy bằng đúng phần tô màu. Cho con đặt lần thứ nhất lên phần tô màu, rồi đặt nối đuôi, không hở, không chồng, đếm to "một lần, hai lần, …". Nói với con: "Đặt hai lần là một nửa. Đặt bốn lần là một phần tư."

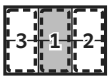
2 **Đặt thử rồi khoanh: một nửa, một phần tư, hay không phải cả hai.**



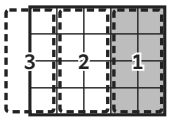
(●) một nửa
( ) một phần tư
( ) không phải cả hai



( ) một nửa
(●) một phần tư
( ) không phải cả hai



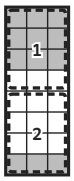
( ) một nửa
( ) một phần tư
(●) không phải cả hai



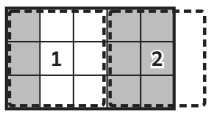
( ) một nửa
( ) một phần tư
(●) không phải cả hai

Khi con làm sai: Cho con đặt lại miếng giấy từ đầu và đếm to. Chỗ miếng giấy thò ra ngoài hình hay chỗ còn hở thì chỉ cho con thấy: hình đó không phải một nửa, cũng không phải một phần tư. Đừng đoán theo dáng của phần tô màu, mà đếm số lần đặt.

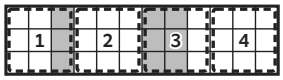
3 **Ghép các phần tô màu lại rồi trả lời hai câu.**



Một nửa? (●) Phải ( ) Không phải
Một phần tư? ( ) Phải (●) Không phải



Một nửa? ( ) Phải (●) Không phải
Một phần tư? ( ) Phải (●) Không phải



Một nửa? ( ) Phải (●) Không phải
Một phần tư? (●) Phải ( ) Không phải

Khi con làm sai: Cho con cắt (hoặc vẽ) các khối tô màu, ghép lại thành một miếng, rồi đặt nối đuôi lên hình như bài 1 và đếm số lần đặt. Nếu con khoanh "Phải" ở cả hai câu, hỏi con "Đặt mấy lần?", rồi nói: "Hai lần thì là một nửa, không phải một phần tư."

© Open Math. Được in và chia sẻ miễn phí cho việc học, không bán lại.